

Bản án số: 100/2024/DS-PT

Ngày: 07-6-2024

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Yêu cầu di dời tài sản, bồi thường
thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn và ông Trần Phước Hiệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồ Thu Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bắc Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 118/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Tạ Thị T**, sinh năm 1978;

Ông **Lư Văn P**, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: **Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

- **Bị đơn:** Ông **Dụng K**, sinh năm 1972;

Bà **Lựu Thị H**, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: **Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

Người kháng cáo: Bị đơn ông **Dụng K** và bà **Lựu Thị H**.

Tại phiên tòa, có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Tạ Thị T và ông Lư Văn P) trình bày:

Ngày 17/3/2009, hộ ông Lư Văn P được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 788291, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.150m² đất trồng cây hàng năm thuộc cánh đồng Tà Bo thôn B, xã P, huyện B tỉnh Bình Thuận.

Đến ngày 10/8/2022, vợ chồng ông Lư Văn P đi ra đất sản xuất của gia đình thì phát hiện đất của gia đình bị vợ chồng ông Dụng K lấn chiếm diện tích đất là 4.400m² và trồng trụ định xây dựng nhà tạm trên đất. Nay vợ chồng ông Lư Văn P yêu cầu tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Dụng K và bà Lưu Thị H phải di chuyển hàng rào lưới B40 và trụ bê tông, cụ thể: Hướng Đông 13 cây trụ bê tông, hướng Tây 18 cây trụ bê tông, hướng Nam 62 trụ bê tông cùng 10 cây dừa để trả lại mặt bằng cho gia đình ông sử dụng. Vợ chồng ông Lư Văn P đồng không đồng ý theo yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại tài sản là 15.000.000 đồng. Vợ chồng ông Lư Văn P đồng ý hỗ trợ di dời tài sản trên đất cho bị đơn là 5.000.000 đồng, đồng ý hỗ trợ 50% chi phí thẩm định định giá.

Bị đơn ông Dụng K và bà Lưu Thị H trình bày: Vợ chồng ông đồng ý trả lại đất cho vợ chồng ông Lư Văn P và bà Tạ Thị T. Tuy nhiên, vợ chồng ông Dụng K yêu cầu vợ chồng ông Lư Văn P và bà Tạ Thị T phải bồi thường thiệt hại tài sản theo yêu cầu phản tố của bị đơn do chúng tôi đã đầu tư phân bổ trên đất là 10.000.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất tranh chấp là 5.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu vợ chồng ông Lư Văn P và bà Tạ Thị T phải thực hiện việc di dời các tài sản trên đất tranh chấp, phát dọn phần đất bỏ hoang phía sau theo hướng Bắc của Bản đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 22/8/2023 của Chi nhánh văn phòng Đ, đồng ý chịu 50% chi phí thẩm định, định giá.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình thì diện tích đất mà các bên tranh chấp là 3.657,4m². Đất tranh chấp thuộc cánh đồng Tà Bo thôn B, xã P, huyện B tỉnh Bình Thuận, đất tứ cận:

Phía Đông: Giáp đường đất

Phía Tây: Giáp đường đất

Phía Nam: Giáp đất bà Tạ Thị N

Phía Bắc: Giáp đất bà **Lư Thị Thanh T1**

(Được giới hạn bởi các mốc tọa độ 2, 9, 16, 10 theo bản đồ vị trí khu đất ngày 22/8/2023 của Chi nhánh **Văn phòng Đ** cung cấp)

Giá trị quyền sử dụng của diện tích đất 3.657,4m² là 135.411.578đ (3.657,4m² x 20.800 đ/m² x 1,78).

Trên đất tranh chấp có 01 cây Lê ki ma, 07 cây dứa, 01 cây me, 01 cây mít, 01 cây chùm ngây, 97 trụ bê tông, 317m lưới B40, 01 cánh cổng 01 cánh (1,8m x 02m), 01 cánh cổng 02 cánh (2,1m x 1,8m) của bị đơn; 05 cây điều của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166; Khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013; Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T**

1. Buộc ông **Dụng K** và bà **Lữ Thị H** phải trả lại cho ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T** diện tích đất 3.657,4m², tọa lạc tại **cánh đồng T thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận** nằm trong thửa đất số 124, tờ bản đồ số 01 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AN 788291 do **UBND huyện B** cấp ngày 17/3/2009 diện tích 6.150m² cho hộ ông **Lư Văn P** tọa lạc tại **cánh đồng T thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận**. Đất có tứ cận:

Phía Đông: Giáp đường đất

Phía Tây: Giáp đường đất

Phía Nam: Giáp đất bà **Tạ Thị N**

Phía Bắc: Giáp đất bà **Lư Thị Thanh T1**

2. Buộc ông **Dụng K** và bà **Lữ Thị H** tháo dỡ, di dời 01 cây Lê ki ma, 07 cây dứa, 01 cây mít, 01 cây chùm ngây, 01 cây me, 97 trụ bê tông và lưới B40, 01 cánh cổng 01 cánh (1,8mx 02m), 01 cánh cổng 02 cánh (2,1m x 1,8m) trong diện tích đất 3.657,4m² nằm trong thửa đất số 124, tờ bản đồ số 01 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AN 788291 do **UBND huyện B** cấp ngày

17/3/2009 diện tích 6.150m² cho hộ ông **Lư Văn P** tọa lạc tại **cánh đồng T thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận**

(Diện tích 3.657,4m² đất được giới hạn bởi các mốc tọa độ 2, 9, 10, 16 theo Bản đồ vị trí khu đất ngày 22/8/2023 của Chi nhánh **văn phòng Đ**, đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AN 788291 do **UBND huyện B** cấp ngày 17/3/2009 đứng tên **Lư Văn P** - Có bản vẽ đính kèm).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông **Dụng K** và bà **Lữ Thị H** đòi ông ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T** bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền là 15.000.000 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời tài sản của vợ chồng ông **Lư Văn P** đồng ý hỗ trợ cho vợ chồng ông **Dụng K** số tiền là 5.000.000 đồng để di dời tài sản trên đất

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 3 năm 2024, bị đơn ông **Dụng K** và bà **Lữ Thị H** có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông **K** buộc vợ chồng bà **T** sang ủi phần đất phía sau, di dời cây trồng từ phần đất tranh chấp sang đất sang ủi phía sau cho vợ chồng ông **K**.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trên và yêu cầu huỷ Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bị đơn.
- Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Bình Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên toà của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29/02/2024, Toà án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm. Ngày 14/3/2024, Toà án nhân dân huyện Bắc Bình nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông **Dụng K** và bà **Lựu Thị H** là còn trong thời hạn kháng cáo và đúng thủ tục quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Toà án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông **Dụng K** và bà **Lựu Thị H**:

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông **Dụng K** và bà **Lựu Thị H** phải trả diện tích đất 3.657,4m², buộc ông **Dụng K** và bà **Lựu Thị H** tháo dỡ, di dời 01 cây lê ki ma, 07 cây dừa, 01 cây me, 01 cây mít, 01 cây chùm ngây, 97 trụ bê tông và 317m lưới B40, 01 cánh cổng 01 cánh (1,8m x 02m), 01 cánh cổng 02 cánh (2,1m x 1,8m) trong diện tích đất 3.657,4m² nằm trong thửa đất số 124, tờ bản đồ số 01 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 788291 do **UBND huyện B** cấp ngày 17/3/2009 với diện tích 6.150m² cho hộ ông **Lư Văn P** tọa lạc tại **cánh đồng T, thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận** để trả lại mặt bằng cho nguyên đơn sử dụng. Bị đơn đồng ý trả lại diện tích đất cho nguyên đơn với điều kiện là vợ chồng ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T** di dời tài sản trên đất, phải phát dọn phần đất bỏ hoang phía sau theo hướng bắc của Bản đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 22/8/2023 của Chi nhánh **Văn phòng Đ**.

[3.1] Bị đơn có yêu cầu phản tố buộc vợ chồng ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T** phải bồi thường thiệt hại tài sản do bị đơn đã đầu tư phân bổ trên đất là 10.000.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất tranh chấp là 5.000.000 đồng. Song tại phiên toà hôm nay, bị đơn đã rút lại yêu cầu phản tố. Xét thấy việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố là đúng quy định.

[3.2] Đối với yêu cầu của bị đơn yêu cầu vợ chồng ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T** phải di dời tài sản trên đất, phải phát dọn phần đất bỏ hoang phía sau theo hướng Bắc của bản đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 22/8/2023 của Chi nhánh **Văn phòng Đ**. Xét thấy điều kiện mà bị đơn nêu ra đối với nguyên đơn là không có trong nội dung vụ án, diện tích đất bị đơn yêu cầu nguyên đơn phát dọn không nằm trong diện tích đất tranh chấp, diện tích đất này là thuộc quyền sử

dụng hợp pháp của bị đơn nên không có cơ sở để xem xét.

[3.3] Đối với các tài sản nằm trên diện tích đất 3.657,4m² gồm 01 cây lê ki ma, 07 cây dứa, 01 cây me, 01 cây mít, 01 cây chùm ngây, 97 trụ bê tông và 317m lưới B40, 01 cánh cổng 01 cánh (1,8m x 02m), 01 cánh cổng 02 cánh (2,1m x 1,8m) nằm trong thửa đất số 124, tờ bản đồ số 01 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 788291 do UBND huyện B cấp ngày 17/3/2009 với diện tích 6.150m² cho hộ ông Lư Văn P toạ lạc tại cánh đồng T, thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận là thuộc quyền sở hữu của bị đơn nên bị đơn phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời để trả lại mặt bằng cho nguyên đơn sử dụng là đúng với quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý hỗ trợ chi phí cho bị đơn di dời tài sản trên đất với số tiền là 5.000.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn ông Dụng K và bà Lữ Thị H không đưa ra được các chứng cứ mới để chứng minh cho việc kháng cáo của mình là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dụng K và bà Lữ Thị H.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện đồng ý chịu 50% chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp số tiền 9.500.000 đồng nên buộc ông Dụng K và bà Lữ Thị H phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 4.750.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Dụng K** và bà **Lựu Thị H**. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

[2] Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013; Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[3] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T**

Buộc ông **Dụng K** và bà **Lựu Thị H** phải trả lại cho ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T** diện tích đất 3.657,4m², tọa lạc tại **cánh đồng T thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận** nằm trong thửa đất số 124, tờ bản đồ số 01 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AN 788291 do **UBND huyện B** cấp ngày 17/3/2009 diện tích 6.150m² cho hộ ông **Lư Văn P** tọa lạc tại **cánh đồng T thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận**. Đất có tứ cận:

Phía Đông: Giáp đường đất

Phía Tây: Giáp đường đất

Phía Nam: Giáp đất bà **Tạ Thị N**

Phía Bắc: Giáp đất bà **Lư Thị Thanh T1**

Buộc ông **Dụng K** và bà **Lựu Thị H** tháo dỡ, di dời 01 cây lê ki ma, 07 cây dừa, 01 cây mít, 01 cây chùm ngây, 01 cây me, 97 trụ bê tông và lưới B40, 01 cánh cổng 01 cánh (1,8mx 02m), 01 cánh cổng 02 cánh (2,1m x 1,8m) trong diện tích đất 3.657,4m² nằm trong thửa đất số 124, tờ bản đồ số 01 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AN 788291 do **UBND huyện B** cấp ngày 17/3/2009 diện tích 6.150m² cho hộ ông **Lư Văn P** tọa lạc tại **cánh đồng T thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận**.

*(Diện tích 3.657,4m² đất được giới hạn bởi các mốc tọa độ 2, 9, 10, 16 theo Bản đồ vị trí khu đất ngày 22/8/2023 của Chi nhánh **văn phòng Đ**, đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AN 788291 do **UBND huyện B** cấp ngày 17/3/2009 đứng tên **Lư Văn P** - Có bản vẽ đính kèm).*

[4] Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông **Dụng K** và bà **Lựu Thị H** đòi ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T** bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 15.000.000

đồng.

[5] Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời tài sản của vợ chồng của ông **Lư Văn P** đồng ý hỗ trợ cho vợ chồng ông **Dụng K** và bà **Lữ Thị H** số tiền là 5.000.000 đồng để di dời tài sản trên đất.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Dụng K** và bà **Lữ Thị H** phải nộp 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Trả lại cho ông **D** Khuyên số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 375.000 đồng mà ông **Dụng K** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001418 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

Trả lại cho ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng mà ông ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002931, 0002932 ngày 12/09/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

[7] Về chi phí tố tụng: Buộc ông **Dụng K** và bà **Lữ Thị H** phải hoàn trả cho ông **Lư Văn P** và bà **Tạ Thị T** số tiền 4.750.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Dụng K** và bà **Lữ Thị H** mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008658 và 0008659 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Ông **K** và bà **H** đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật tính kể từ ngày tuyên án (ngày

07/6/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Bắc Bình;
- Chi cục THADS Bắc Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hs vụ án, Tổ HCTP; Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thành